

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/06/2020**

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi				Về				Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng			
1		BK8+BK5+P3	7:25	11+11+0	0+0+0		7+3+11	0+0+0			
2		P2+P1	7:25	4+18	0+0		2+20	0+0			
3		P1+BK6+P8	9:25	8+8+6	0+0+0		8+7+7	0+0+0			
4		P10+VSP01+CTK3+TD3	9:25	10+8+2+2	0+0+0+0		0+9+6+5	0+0+0+0			
5		P2+BK4+BK5	11:25	22+0+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	CHUYEN 4 BK4 BK5		
6		TTC2+P2+BK8	11:25	4+18+0	0+0+0		0+17+5	0+0+0			

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/ĐI VỀ TRONG NGÀY BK5-4NG, BK8-5 NG



# FLIGHT MANIFEST



<b>DATE:</b> 16/06/2020	<b>TO:</b> BK8 - BK5 - P3	<b>AIRCRAFT:</b> 410	<b>ETD:</b> 07:30
<b>FLIGHT:</b> 01	<b>FROM:</b> VT	<b>CREW:</b> Hạnh - XHOÀN - Huy	<b>ETA:</b> 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAMBUROV	BK8	58	1	3		90	KH-THAC	Russian
2	PASHANOV	BK8	61	1	4		106	KH-THAC	Russian
3	BUI ANH SON	BK8				40	55	D-HANH	Vietnamese
4	KRAPIVKA	BK8	60	1	2		86	D-HANH	Russian
5	ĐO HIỆP PHU	BK8	57	1	2		52	D-HANH	Vietnamese
6	PODYMOV	BK8	57	1	5		142	KH-THAC	Russian
7	NGO VAN MAY	BK8	59	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VAN TINH	BK8	56	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM HOANG GIANG	BK8	15	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
10	LE TAN	BK8	56	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
11	LE VAN THINH	BK8	55	1	5		60	PSV	Vietnamese
12	TRAN THUC LOI	BK5	17	1	3		65	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG THANG	BK5					70	KH-THAC	Vietnamese
14	KYREEV	BK5	22	1	5		90	NIPI	Russian
15	TRAN KHOA TRUONG	BK5	16	1	4		76	NIPI	Vietnamese
16	PHAM VAN TAP	BK5	15	1	6	30	67	KH-THAC	Vietnamese
17	DOAN VAN TRINH	BK5	12	1	6	37	60	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI THE DUONG	BK5	18	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
19	TO TIEN HUNG	BK5	11	1	6		75	CODIEN	Vietnamese
20	TRAN ANH QUANG	BK5	09-10	2	17		75	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN HUU NGHIEM	BK5	13	1	5		60	PSV	Vietnamese
22	HOANG TRONG THAN	BK5	14	1	12		71	PVE	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	11	10	50	883	40	7		
2	BK5	11	11	73	772	67	3		
3	P3	0	0	0	0	30	11		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>123</b>	<b>1.655</b>	<b>137</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>123</b>	<b>1.655</b>	<b>137</b>			

**GRAND TOAL: 1.915 KGS**

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P2 - P1	CREW: Vận - DNam - QTrương	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN DUC	P2				75	71	T-TIN	Vietnamese
2	DO HUU NGUYEN	P2	12	1	6	30	70	KH-THAC	Vietnamese
3	VÔ DUY TOAN	P2	10	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG DUNG	P2	11	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOAN TRONG TUONG	P1	28	1	12	40	80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VAN KY	P1	52-53	2	12		69	YTE	Vietnamese
7	NGUYEN QUY TAI	P1	18	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DOAN ĐỨC	P1	23	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
9	TSOPANOV A.V	P1	29	1	9		96	KH-THAC	Russian
10	DUBOV A.V	P1	30	1	11		85	KH-THAC	Russian
11	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	22	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN TRUNG CHINH	P1	24	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NINH QUỐC HỘI	P1					82	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG ĐÌNH QUÊ	P1	32,51	2	13		80	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN KIM CUONG	P1	16	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRUNG DƯƠNG	P1	20-21	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HỮU DUNG	P1	27	1	9		86	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN LONG BIEN	P1	31	1	12		76	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOAN VAN DU	P1	25	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ KIÊN TRUNG	P1	17	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN HOANG NHAN	P1	26	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THE VINH	P1	19	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	4	3	16	266	105	1		
2	P1	18	20	151	1.335	40	21		
	<b>TOTAL</b>	<b>22</b>	<b>23</b>	<b>167</b>	<b>1.601</b>	<b>145</b>	<b>22</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>167</b>	<b>1.601</b>	<b>145</b>			

**GRAND TOAL: 1.913 KGS**

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/06/2020	TO: P1 - BK6 - P8	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hạnh - XHOÀN - Huy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	59	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ NAM CƯỜNG	P1	57	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔ QUANG ANH	P1	60	1	7	14	67	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THĂNG	P1	62	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ HỒNG HAI	P1	100	1	15	20	62	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM ANH SƠN	P1	56	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THUY	P1	58	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P1	61	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUANG BÌNH	BK6	47-48	2	17		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH HAI	BK6	46	1	9	27	75	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI TRẦN VIỆT	BK6	49-50	2	12	30	65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY HOÀNG	BK6	53	1	8		75	CODIEN	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	BK6	52	1	12		75	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC AN	BK6	51	1	6		57	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN PHÚC	P8	67	1	5		63	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH TŨE	P8	64	1	7		50	PSV	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC THUAN	P8	60	1	8		50	PSV	Vietnamese
18	ĐÀU CÔNG SAU	P8	63	1	5	40	82	PSV	Vietnamese
19	LÊ VĂN DƯƠNG	P8	66	1	8		58	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN SƠN	P8	61-62	2	10		60	PSV	Vietnamese
21	TRẦN VIỆT BÌNH	P8	59	1	5		60	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC VIỆT	P8	65	1	5		56	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	8	8	54	516	34	6		
2	BK6	6	8	64	429	57	7		
3	P8	8	9	53	479	40	9		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>171</b>	<b>1.424</b>	<b>131</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>171</b>	<b>1.424</b>	<b>131</b>			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



<b>DATE:</b> 16/06/2020	<b>FROM:</b> VT	<b>AIRCRAFT:</b> 406	<b>ETD:</b> 09:45
<b>FLIGHT:</b> 4	<b>TO:</b> P10 - VSP01 - CTK3 - TD3	<b>CREW:</b> Vậ - D Nam - Q Trường	<b>ETA:</b> 11:25
<b>CAM-2</b>			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN MẠNH	P10	81	1	7	15	80	PVE	Vietnamese
2	ZHUCK	P10	90	1	12		112	KH-THAC	Russian
3	HỒ NGỌC BÈN	P10	87	1	12		73	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÌNH VĂN TÂM	P10	91	1	11	40	61	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ TRỌNG NHIÊN	P10	89	1	10		53	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TÂN PHONG	P10	88	1	15		85	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI CÔNG TRINH	P10	86	1	5		65	PVE	Vietnamese
8	BUI AN	P10	82-83	2	17		73	PVE	Vietnamese
9	PHẠM THANH TUNG	P10	84	1	12		84	PVE	Vietnamese
10	TRẦN VĂN THÔNG	P10	85	1	8		65	PVE	Vietnamese
11	LE KHANH TOAN	VSP01	45	1	4	50	70	SHIP	Vietnamese
12	LÊ TRỌNG ĐỨC	VSP01	40	1	7		63	CODIEN	Vietnamese
13	MAI TẤT THÀNH	VSP01	47	1	8		77	T-TIN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN KHÂN	VSP01	42-43	2	18		73	PSV	Vietnamese
15	VU VĂN ĐIẾP	VSP01	44	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	ĐỖ ĐỨC CHI	VSP01	46	1	3		58	PSV	Vietnamese
17	DƯƠNG BA HÙNG	VSP01					75	PSV	Vietnamese
18	HA THÈ BÌNH	VSP01	41	1	3		69	PSV	Vietnamese
19	ĐẶNG THỊ KHÁNH LINH	CTK3	91	1	8	15	55	KH-THAC	Vietnamese
20	DANG THANH HOANG	CTK3					70	D-HANH	Vietnamese
21	TOIB R.	TD3	82	1	5		100	KHOAN	Russian
22	IUOV R.	TD3	83	1	5		68	KHOAN	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	10	11	109	751	55	0		
2	VSP01	8	8	48	555	50	9		
3	CTK3	2	1	8	125	15	8		
4	TD3	2	2	10	168	0	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>175</b>	<b>1.599</b>	<b>120</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>175</b>	<b>1.599</b>	<b>120</b>			

**GRAND TOAL: 1.894 KGS**

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/06/2020	TO: P2 - BK4 - BK5	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hạnh - XHOÀN - Huy	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG TAN QUAN	P2	51	1	4	60	70	KH-THAC	Vietnamese
2	DƯƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	41	1	7		45	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	46	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ NGỌC HÙNG	P2	42	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH NAM	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG NGUYỄN DUY NHAN	P2	54	1	5	10	53	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	45	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ NGHĨA TÀI	P2	43	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HÙNG	P2	49	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ CÔNG LƯU	P2	53	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ HUY QUYNH	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ SỸ VANG	P2	48	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
14	HA VĂN NIN	P2	57	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THANH HIỀN	P2	50	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN NAM	P2	56	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VĂN THAI	P2	55	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ANH VŨ	P2	40	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN MINH XANH	P2	47	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
20	HA CHIẾN THĂNG	P2	44	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
21	HỒ CHÈ LINH	P2	52	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	21	18	115	1.439	70	18		CHUYEN 4 PAX BK4 SANG BK5
2	BK4	0	0	0	0	30	0	49	
3	BK5	0	0	0	0	20	4		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>18</b>	<b>115</b>	<b>1.439</b>	<b>120</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>115</b>	<b>1.439</b>	<b>120</b>			

**GRAND TOAL: 1.674 KGS**

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:55
FLIGHT: 6	TO: TTC2 - P2 - BK8	CREW: Vậ - XTrường - DTùng	ETA: 13:35
vang-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐỨC	TTC2	32	1	10	69	80	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN NGHĨ	TTC2	33	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN DUY KHANH	TTC2	34-35	2	14		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC HÙNG	TTC2	31	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH KIM	P2	31	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TÂN	P2					73	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI NĂNG PHONG	P2	30	1	2		77	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGOC SƠN	P2	32	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ QUANG NINH	P2				50	67	KHI	Vietnamese
10	VU ĐỨC HOANG	P2	29	1	5		65	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC KHANH	P2	28	1	8		62	PSV	Vietnamese
12	ĐAM XUÂN DUY	P2	22	1	10		69	OMSC	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN BÌNH	P2	24	1	7		60	OMSC	Vietnamese
14	TRẦN THIỆ ANH	P2	20	1	11		48	OMSC	Vietnamese
15	NGUYỄN HOANG KHANH	P2	19	1	8		64	OMSC	Vietnamese
16	NGO SY TRUONG	P2	36	1	9		75	OMSC	Vietnamese
17	PHAN XUÂN LẠC	P2	21	1	9		74	OMSC	Vietnamese
18	ĐUONG TRI TRUONG	P2	27	1	8		57	OMSC	Vietnamese
19	Y HIEU BUON YA	P2	26	1	9		84	OMSC	Vietnamese
20	LÊ VĂN DŨNG	P2	25	1	6		66	OMSC	Vietnamese
21	NGUYEN HUU HANH	P2	23	1	6		62	OMSC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	4	5	43	298	69	0		
2	P2	17	15	106	1.140	50	17		
3	BK8	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	20	149	1.438	119	22		
WEIGHT KG				149	1.438	119			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/06/2020**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TDS	7:25	20	0		22	0	
2		BK9+CTK3	7:25	5+16	0+0		5+17	0+0	CHUYEN 1 BK9 CTK3
3		TD3+PPD+BK4	7:25	18+0+4	0+0+0		15+3+4	0+0+0	
4		VSP02+MRM+BK3	9:25	17+5+0	0+0+0		16+4+2	0+0+0	
5		TD1+BK10+CTK3	9:25	2+2+14	0+0+0		0+3+19	0+0+0	
6		CNV+BK4+BK14	9:25	7+7+6	0+0+0		7+6+9	0+0+0	
7		VSP02	11:25	22	0		20	0	

TTBDSX

*MQA*

*19/6/20*

*Đ*

*1*

*Công an*

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1 NGUOI BK14 VE QUA TDS





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/06/2020	TO: TD5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - Duong - Nam	ETA: 09:10
XANH-I			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE THANH LAM	TD5				70	67	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN NHU Y	TD5	33-34	2	20		80	KHOAN	Vietnamese
3	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	97	1	3		88	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TAN TAI	TD5	23	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
5	BAO NGUYEN LOC	TD5	22	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN BA HOA	TD5	21	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
7	TRINH ANH TRUONG	TD5	25	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
8	HO HOAN KIEM	TD5	600	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HOA	TD5	27-29	3	17		75	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN DUY DUC	TD5	99	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
11	LE VU NGOC	TD5	24	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN MANH HUNG	TD5	98	1	9		67	KHOAN	Vietnamese
13	LE TRUNG SON	TD5	17	1	5		77	D-HANH	Vietnamese
14	NGUYEN THE HUY	TD5	18-19	2	18		75	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN HOANG PHUC	TD5	20	1	12		90	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NAM (KS)	TD5	74	1	14		71	DVL	Vietnamese
17	PHAN THANH TINH	TD5	32	1	15		75	DVL	Vietnamese
18	LE VAN THANG	TD5	31	1	11		70	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HANH	TD5	30	1	4		62	PSV	Vietnamese
20	DOAN TRUNG KIEN	TD5	26	1	5		62	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	20	23	163	1.450	70	22		
	<b>TOTAL</b>	<b>20</b>	<b>23</b>	<b>163</b>	<b>1.450</b>	<b>70</b>	<b>22</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>163</b>	<b>1.450</b>	<b>70</b>			

GRAND TOAL: 1.683 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	TO: BK9 - CTK3	CREW: Cương - KHẢI - TDUNG	ETA: 09:20
vang-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC CHINH	BK9	05	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO KIM CƯƠNG	BK9	07-08	2	17		58	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG QUANG HUY	BK9	06	1	10	30	66	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN BÌNH	BK9	04	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN NĂNG	BK9	79	1	8		65	PSV	Vietnamese
6	PHẠM MINH TOÀN	CTK3	63	1	5	24	58	YTE	Vietnamese
7	BUI THE DIEN	CTK3	61	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH TUẤN	CTK3	62	1	6		86	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	50-51	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HOANG HA	CTK3	53	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	52	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	CTK3	56	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI KHẮC PHONG	CTK3	60	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	HA MINH GIANG	CTK3	54	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN QUANG TUẤN	CTK3	66	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN HỮU BAO	CTK3	55	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI SỸ LONG	CTK3	57-58	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC HẠNH	CTK3					80	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM QUANG THAI	CTK3	59	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	5	6	51	335	30	5	2	CHUYEN 01 PAX TU BK9 SANG CTK3
2	CTK3	16	15	84	1.178	24	17		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>21</b>	<b>135</b>	<b>1.513</b>	<b>54</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>135</b>	<b>1.513</b>	<b>54</b>			

GRAND TOAL: 1.702 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: TD3 - PPD - BK4	CREW: VThắng - MTHAO - HIẾU	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VĂN HÂN	TD3	01	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ VIỆT THẮNG	TD3	13-14	2	12		63	KHOAN	Vietnamese
3	LẠI THẾ ĐẠT	TD3	06	1	5		89	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD3	07	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN HIẾU	TD3	08	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG HÒA	TD3	12	1	12	50	70	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VĂN KHOA	TD3	03	1	5	40	70	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN LÊ KIẾN	TD3	05	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ HÙNG ANH	TD3	09	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
11	TRỊNH DUY SƠN	TD3	02	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	04	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
13	HÀ VĂN PHÚC	TD3					78	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM DƯƠNG HẢI	TD3	10-11	2	12		63	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN DANH TRUNG	TD3	20-21	2	15		68	CODIEN	Vietnamese
16	TRẦN MẠNH CƯỜNG	TD3	18-19	2	15		67	CODIEN	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH NAM	TD3	17	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
18	VŨ HOÀNG TẤN	TD3	22	1	10		65	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN PHÚC SANG	BK4	24-25	2	12		55	XAYLAP	Vietnamese
20	THÂN VĂN KIẾN	BK4	20	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ VĂN CHIẾN	BK4	21-22	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
22	TRƯƠNG MINH THẮNG	BK4	23	1	7		68	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	18	20	131	1.261	90	15		
2	PPD	0	0	0	0	50	3		
3	BK4	4	6	48	253	0	4		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>26</b>	<b>179</b>	<b>1.514</b>	<b>140</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>179</b>	<b>1.514</b>	<b>140</b>			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	TO: VSP02 - MRM - BK3	CREW: HUNG - Dương - Năm	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN THOAI	VSP02				50	73	YTE	Vietnamese
2	LE CONG HOAN	VSP02					65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐANG NGOC CUONG	VSP02					73	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM TRUNG SONG	VSP02					91	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN XUAN KINH	VSP02					65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM NGOC THACH	VSP02	400	1	12		57	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN LE HOI	VSP02	98	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	VU THAI SON	VSP02	99	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI XUAN TIEN	VSP02	34	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	CAO VAN KHA KHA	VSP02	44	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC QUANG	VSP02					62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH THAO	VSP02	97	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
13	DUONG TRUNG VIET	VSP02					77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VIET NGOC	VSP02	35	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	VU HAI ĐANG	VSP02	32	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN QUYET	VSP02					56	KH-THAC	Vietnamese
17	LE DINH KHOA	VSP02	96	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	DO QUOC TRINH	VSP02	33	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
19	ZHDANOV	MRM	30	1	14	12	120	KHOAN	Russian
20	DINH QUANG CHIEN	MRM	31	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
21	MAI HAI LONG	MRM	29	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
22	DUONG TRUNG KIEN	MRM	32	1	13		58	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	18	10	63	1.251	50	16		
2	MRM	4	4	46	323	12	4		
3	BK3	0	0	0	0	25	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>14</b>	<b>109</b>	<b>1.574</b>	<b>87</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>109</b>	<b>1.574</b>	<b>87</b>			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	TO: TD1 - BK10 - CTK3	CREW: Cương - KHẢI - TDUNG	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN THOM	TD1	82	1	7		50	KHOAN	Vietnamese
2	ĐẠO VIỆT VĂN	TD1	81	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN PHÚ	BK10	87-88	2	12	25	70	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN BA THUẬN	BK10	89	1	15	59	67	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TUẤN	CTK3	69-70	2	13		67	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THANH QUANG	CTK3	82	1	16		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH TUẤN	CTK3	75	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM QUỐC CƯỜNG	CTK3	71	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
9	LUYỄN VĂN THIỆU	CTK3	77-78	2	14		80	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	CTK3	76	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
11	VÕ NGỌC CHÍNH	CTK3	73	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐAN QUÊ	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THẮNG	CTK3	72	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẠO VIỆT HÙNG	CTK3	68	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẠO TRỌNG HIỆP	CTK3	67	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN HOÀNG	CTK3	80-81	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU VĂN	CTK3	74	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
18	HA QUANG TRUNG	CTK3	79	1	11		52	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	2	2	13	122	0	0		
2	BK10	2	3	27	137	84	3		
3	CTK3	14	16	125	1.002	0	19		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>21</b>	<b>165</b>	<b>1.261</b>	<b>84</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>165</b>	<b>1.261</b>	<b>84</b>			

GRAND TOAL: 1.510 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	TO: CNV - BK4 - BK14	CREW: VThắng - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:15
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HẢO	CNV	43	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ QUỐC TÙNG	CNV	400	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV					63	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC KIỂM	CNV	44	1	5	60	80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CNV	99	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	98	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH TIỆN	CNV	82	1	4		70	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG ĐÌNH	BK4	68	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ ĐÌNH ĐỎ	BK4	66-67	2	17		84	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN HÙNG	BK4	73	1	10		50	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN TUẤN VIỆT	BK4	71-72	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN TRUNG ĐĂNG	BK4	70	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
13	TRỊNH THANH GIANG	BK4	69	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN NGOC THE	BK4	74-75	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ VĂN TOÀN	BK14	08	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ THANH LIÊM	BK14	05	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	BK14	06-07	2	15	40	75	KH-THAC	Vietnamese
18	VU ĐÌNH HUY	BK14	12-13	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN TUYẾN	BK14	11	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN TIẾN CƯỜNG	BK14	09-10	2	12		65	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	7	6	34	491	60	7		
2	BK4	7	10	94	453	0	6		
3	BK14	6	9	52	402	40	9		
TOTAL		20	25	180	1.346	100	22		
WEIGHT KG				180	1.346	100			

GRAND TOAL: 1.626 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	TO: VSP02	CREW: HUNG - Duong - Nam	ETA: 13:10
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MANH HA	VSP02	56	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN QUOC HOAN	VSP02	39	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN HUU KHANH	VSP02	44	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	HA MANH THANG	VSP02	45	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
5	DO TRUNG DUNG	VSP02	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DINH DUONG	VSP02	51	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN GIAP	VSP02	47	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
8	LU SON	VSP02	41	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TO VAN HUNG	VSP02	54	1	5	5	65	KH-THAC	Vietnamese
10	TA VAN CUONG	VSP02	53	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LE XUAN BINH	VSP02	40	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI HUY BINH	VSP02					65	KH-THAC	Vietnamese
13	KORNILOV	VSP02	58-59	2	16		84	ANTOAN	Russian
14	NGUYEN HUU NHAN	VSP02	57	1	5		76	NIPI	Vietnamese
15	NGUYEN DUC THANG	VSP02	43	1	5		100	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN HONG DUC	VSP02	48	1	4		50	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TAT LOC	VSP02	50	1	5		55	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VU BA LINH	VSP02	46	1	5		72	PSV	Vietnamese
19	LUONG MANH GIANG	VSP02	42	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	LE VAN CHI	VSP02	49	1	5		60	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	20	20	105	1.349	5	20		
	<b>TOTAL</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>105</b>	<b>1.349</b>	<b>5</b>	<b>20</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>105</b>	<b>1.349</b>	<b>5</b>			

GRAND TOAL: 1.459 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 18:15
FLIGHT: CCN	TO: MRM	CREW: Hạnh - MTHAO - NNam - TUYẾN	ETA: 20:15

ROUTE: VT - MRM - VT

No.	PAXNAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
<b>SECTOR 1: VT - MRM</b>								
1	ERMAKOV	<i>SOS VSP</i>	<i>Russian</i>	19891		0	0	88
2	NGUYEN DUY QUANG	VSP	Vietnamese	046072000463		0	0	88
3	TRAM NGOC BA	VSP	Vietnamese	273670565		0	0	78
	PAX OUT	3	PAX IN	1	WT:	0	0	254
	<b>TOTAL</b>	<b>3</b>						

## FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1	MEDICAL STRETCHERS + EQUIPMENT	34	MRM	1	50
<b>REMARK : REMOVE SEATS FOR LOADING MEDICAL STRETCHERS</b>					
<b>VSP REP.</b>					
<b>VNHS REP.</b>					
<b>CAPTAIN</b>					
					PAXWEIGHT
					254
					BAG.WEIGHT
					0
					CARGO WEIGHT
					50
					TOTAL
					304

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

*[Signature]*

*[Signature]*

*[Signature]*

FINISHED: 18:20

FUEL

CONFIRMED BY HLO (Name & signature)

- TOTAL OF PAX
- FREIGHT & BAG:



LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/06/2020**

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+BK14+P8	7:25	5+7+10	0+0+0		3+0+16	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
6 XL đi VSP06 qua BK14



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/06/2020	TO: RP2 - BK14 - P8	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - Linh - THU	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN KHAC TUAT	RP2	25	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
2	TONG VAN DUC	RP2	44	1	10	10	76	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN MINH TAM	RP2	45	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN CAO CUONG	RP2	46	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
5	LE VAN QUANG	RP2	47	1	12		73	XAYLAP	Vietnamese
6	EMELIANOV I.U.E	BK14	800	1	10		100	KHOAN	Russian
7	LE HONG DUONG	BK14	93-94	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN BA DIEN	BK14	95	1	17		82	XAYLAP	Vietnamese
9	VU VAN LINH	BK14	96-97	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG VAN MANH	BK14	98-99	2	12		67	XAYLAP	Vietnamese
11	LE VAN DUONG	BK14	91-92	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAN VAN HUYEN	BK14	01-02	2	17		78	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN PHUC NGUYEN	P8	48-49	2	10		82	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VAN LOI	P8	44-45	2	17		64	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG NHAT	P8	44	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
16	DAO DINH CUONG	P8	45	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
17	VU VAN TRUNG	P8	46-47	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN LE	P8	52-53	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM VAN THONG	P8	42-43	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
20	LE DINH MINH	P8	39	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC TRUONG	P8	50-51	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
22	VU TUAN ANH	P8	40-41	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	5	5	48	347	10	3		
2	BK14	7	12	107	534	0	1		
3	P8	10	17	137	689	0	16		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>34</b>	<b>292</b>	<b>1.570</b>	<b>10</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>292</b>	<b>1.570</b>	<b>10</b>			

GRAND TOAL: 1.872 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN